Công ty TNHH Dầu nhờn Sungbo Việt Nam
Số 1, Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: 0251 3 990 888 Fax: 0251 3 831 105

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1. Nhận diện hóa chất và nhà sản xuất, nhà cung cấp

Tên sản phẩm	ZENQ ONE S	Mã sản phẩm	SB-00057
Mô tả hóa chất	Dầu nhờn		
Nhà sản xuất	Tên	Sungbo Ind. Co., ltd.	
	Địa chỉ	28-1, Unam-ri, Eunhyeon-myeon, Yangju-si, Gyeonggi-do, Korea	
	Hotline	82+ 3-1859-9538	
	Fax	82+ 2-6455-5580	
	Website	www.zenq.co.kr	
Nhà cung cấp	Tên	Công ty TNHH Dầu nhờn Sungbo Việt Nam	
	Địa chỉ	Số 1, Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Bình Dương	
	Hotline	0251 3 990 888	
	Fax	0251 3 831 105	
	Website	www.sungbovietnam.com.vn	

2. Thành phần & thông tin về các thành phần

Thành phần	CAS No.	Tỷ lệ
Dầu gốc	-	70 ÷ 80%
Phụ gia	-	20 ÷ 30%

3. Nhận biết mối nguy hại

Cảnh báo

Phân loại	Không được phân loại nguy hiểm
Nguy cơ	Không nguy hiểm
Sức khỏe	Không hít phải hơi hoặc dạng sương. Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt
Các mối nguy hại cho	
Sức khỏe	Có thể gây tổn hại cho cơ thể nếu nuốt hoặc hít phải
An toàn	Không được phân loại dễ cháy; Có thể cháy
Môi trường	Có hại cho sinh vật thủy sinh và các tác hại cho môi trường đất và nước khi ô nhiễm lâu dài
Các mối nguy hại sức khỏe	
Mắt	Có thể gây kích ứng nhẹ cho mắt với cảm giác rát khó chịu
Đường tiêu hóa	Có hại. Có thể gây tổn thương dạ dày nếu nuốt phải
Đường hô hấp	Hít với nồng độ cao hơi hoặc hạt sương có thể gây kich ứng đường hô hấp
Da	Tiếp xúc với da lặp đi lặp lại mà không vệ sinh hợp lý có thể gây tắc nghẽn lỗ chân lông
Phơi nhiễm	Các thành phần tạo thành không gây ra ung thư dựa trên tiêu chuẩn IARC. Xem thêm mục 11 để biết thêm thông tin

4. Biện pháp sơ cứu

Mắt	Nhanh chóng và nhẹ nhàng thấm phần chất lỏng từ mắt. Rửa mắt với thật nhiều nước. Nếu bị kích thích, yêu cầu chăm sóc y tế
Da	Nhẹ nhàng thấm đi phần chất lỏng dính lên da. Rửa sạch vùng tiếp xúc với nước (với xà phòng nếu có). Nếu có nghi ngờ, yêu cầu chăm sóc y tế
Hô hấp	Sơ cứu ban đầu thường không được yêu cầu. Nếu có nghi ngờ, yêu cầu hỗ trợ y tế
Tiêu hóa	Nếu sản phẩm được nuốt hoặc vào trong miệng thì nhanh chóng rửa miệng bằng nước và uống một ít nước. Nếu các triệu chứng

	tăng lên, yêu cầu chăm sóc y tế.

5. Biện pháp chữa cháy

Điểm chớp cháy	> 220°C (COC)	Điểm bắt cháy	Không có dữ liệu
Giới hạn dễ bắt cháy (% thể tích)		Không có dữ liệu	
Mối nguy hại sức khỏe	Mối nguy lớn nhất trong đám cháy thường là hít khí nóng và độc hại hoặc thiếu oxy (hoặc cả hai)		
Phương tiện chữa cháy	Phương tiện chữa cháy phù hợp là cacbon dioxit, hóa chất khô, bọt, sương mù của nước		
Nguy cơ nổ	Nếu một số lượng đáng kể của sản phẩm này có mặt trong một vụ cháy, cần sơ tán khẩn cấp người khỏi khu vực cháy và gọi đội cứu hỏa. Không được đi vào bất kỳ vùng không gian kín nào nếu không có các hệ thống bảo vệ con người khỏi khí cháy và sự thiếu oxy		

6. Biện pháp giảm nhẹ tai nạn

Biện pháp bảo vệ	Tối thiểu phải trang bị áo khoác, kính bảo hộ và găng tay. Vật liệu phù hợp cho trang phục bảo hộ bao gồm nitrile, neoprene. Thiết bị bảo vệ mắt/mặt tối thiểu kính bảo vệ và tốt hơn là kính bảo hộ. Phải giặt sạch trang phục bảo hộ trước khi lưu trữ và tái sử dụng
Khi tràn đổ	Nguy cơ trơn trượt khi làm tràn đổ ra ngoài. Khi có sự tràn đổ hóa chất ra ngoài cần lập tức cắt nguồn tràn đổ. Để tránh tai nạn phải làm sạch ngay lập tức. Ngăn chặn sự lan rộng bằng cát, đất hoặc vật liệu ngăn chặn khác. Thu hồi chất lỏng trực tiếp hoặc bằng một vật liệu thấm hút. Xử lý chất lỏng còn sót lại bằng chất hấp phụ như đất sét, cát hoặc vật liệu thích hợp khác và vứt bỏ đúng cách. Ngăn chặn sự ô nhiễm nguồn nước và đất

7. Xử lý & bảo quản

Yêu cầu chung	Tiếp xúc hạn chế với sản phẩm này và giảm tối thiểu số lượng bảo quản tại khu vực làm việc. Ngoài ra, tránh tiếp xúc và làm nhiễm bẩn sản phẩm bằng những chất không tương thích. Nhiệt độ bảo quản cần giữ tối thiểu. Bao bì đóng gói sản phẩm đặt ở nơi mát mẻ,

	giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng. Bao bì phải kín nắp, giữ ở nơi khô ráo và tránh xa nước. Hãy chắc chắn rằng sản phẩm không tiếp xúc với các chất không tương thích. Đối với bao bì và tấm lót bao bì cần sử dụng thép mềm hoặc polyethylene, không dùng PVC. Không thực hiện các động tác cắt, hàn, đun nóng… với hóa chất và bao bì hóa chất

8. Kiểm soát phơi nhiễm & Bảo vệ con người

Mắt	Bảo vệ mắt bình thường là không cần thiết khi sử dụng sản phẩm này. Tuy nhiên, nếu có sự nghi ngờ nên sử dụng kính bảo vệ phù hợp hoặc kính bảo hộ
Da	Sản phẩm này không có hại và bình thường sự bảo vệ da đặc biệt là không cần thiết. Tuy nhiên chúng tôi đề nghị tránh tiếp xúc thường xuyên tất cả sản phẩm hóa chất và nên dùng găng tay thích hợp (tốt hơn là dài tới khuỷu tay) khi có khả năng tiếp xúc với sản phẩm
Hô hấp	Bảo vệ hô hấp thường không bắt buộc. Tuy nhiên nếu điều kiện làm việc có nhiều hơi, sương sản phẩm tích tụ, nên đeo thiết bị bảo hộ hô hấp được phê duyệt như mặt nạ phòng độc
Thông gió	Sản phẩm này nên được sử dụng ở khu vực thông gió tốt. Nếu thông gió tự nhiên là không đủ, đề nghị xử dụng quạt
Giới hạn phơi nhiễm	Theo ACGIH, giá trị ngưỡng giới hạn tiếp xúc của hơi sản phẩm là 5 mg/m^3 cho mỗi 8 giờ tiếp xúc mỗi ngày. Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn (STEL) được yêu cầu khi nồng độ tới 10 mg/m^3

9. Tính chất vật lý và hóa học

Xuất hiện	Chất lỏng, sạch, màu hổ phách	Mùi	Mùi nhẹ đặc trưng
pH	Không có dữ liệu	Hòa tan vơi nước	Không hòa tan
Điểm sôi	Không có dữ liệu	Sự bay hơi	Không có dữ liệu
Áp suất hơi (mmHg)	Không có dữ liệu	Tỷ trọng @ 15°C	0,84 ÷ 0,85 kg/L
Điểm chớp cháy	> 220°C (COC)	Tỷ trọng hơi (không	> 1

		khí= 1)	
Độ nhớt @ 40°C	90,8 cSt ÷ 110,5 cSt	Độ nhớt @ 100°C	14,8 cSt ÷ 17,4 cSt
Một sản phẩm thương mại thì giá trị chính xác có thể thay đổi trong khoảng này			

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định	Rất ổn định
Khả năng phản ứng	Sản phẩm không có khả năng phản ứng hoặc phân hủy trong điều kiện lưu trữ thông thường
Điều kiện cần tránh	Nhiệt độ cao, ánh sáng mặt trời trực tiếp, các tác nhân oxy hóa mạnh như: clorat, nitrat, peroxit…
Sản phẩm cháy	Khi đốt cháy tạo thành cacbon dioxit, nước. Khi cháy không hoàn toàn và phân hủy nhiệt tạo ra các khí độc tiềm tàng như cacbon monoxit, cacbon dioxit, các hydrocacbon khác nhau, các aldehit, bồ hóng và các sản phẩm cháy của nitơ và lưu huỳnh
Polymer hóa	Sản phẩm này không bị phản ứng polymer hóa trong điều kiện thông thường

11. Thông tin về độc tính

Ngộ độc cấp tính	Không được phân loại theo tiêu chuẩn hiện hành. Các trường hợp hít phải lượng hơi, sương có nồng đô cao, nuốt phải hoặc tiếp xúc da có thể gây nên các kích ứng, nhẹ, đau bụng, tiêu chảy
Ngộ độc mãn tính hoặc nhiễm độc lâu dài	Có thể gây nhiễm trùng da khi có sự phơi nhiễm và tiếp xúc lặp đi lặp lại trực tiếp hoặc với quần áo nhiễm bẩn. Sản phẩm không được liệt kê trong Báo cáo thường niên của U.S.NTP cũng không được IARC phân loại là chất gây ung thư hoặc chất có thể gây ung thư

12. Thông tin về sinh thái

Tác động môi trường	Không có dữ liệu về độc tính sinh thái cụ thể của sản phẩm này. Sản phẩm được xem là có chút nguy hiểm cho đời sống sinh vật thủy sinh

Tính linh động	Không khí	Tổn thất do bay hơi rất chậm
	Nước	Không tan trong nước, chảy lan trên mặt nước
	Đất	Sản phẩm ít thẩm thấu trong đất

13. Xem xét khi thải bỏ

Xử lý chất thải	Đặt hóa chất, bao bì bị ô nhiễm trong các thùng chứa và vứt bỏ một cách phù hợp với quy định hiện hành. Liên lạc với cơ quan môi trường hoặc cơ quan y tế để xử lý như đã phê duyệt theo tài liệu này
Ghi chú	Sản phẩm này có thể gây ra các rủi ro về môi trường phổ biến như các sự cố tràn dầu. Liên hệ với cơ quan phản ứng tràn dầu địa phương hoặc hoặc các cơ quan chính phủ nếu xảy ra các sự cố tràn dầu

14. Thông tin vận chuyển

Đường bộ	Không có quy định nào cho vận tải đường bộ
Đường biển (IMDG)	Không có quy định cho giao thông vận tải đường biển theo quy tắc IMDG (IMDG-Code)
Đường hàng không (IATA)	Không có quy định cho đường hàng không

15. Thông tin về quy định pháp luật

Quy định Quốc tế	Nếu không có quy định của chính quyền địa phương phê duyệt, hãy theo NIOSH/MSHA của Hoa Kỳ, BSI của Anh Quốc hoặc AS/NZS 1715/1716 của Australia–New Zealand. Mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn AS/NZS 1715/1716 được phê duyệt
Quy định Việt Nam	Luật Hóa chất Việt Nam 2007; Nghị định 108/2008/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Hóa chất; Nghị định 26/2011/NĐ-CP về sửa đổi Nghị định 108/2008/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Hóa chất

16. Thông tin khác

Phiên bản MSDS số	01-ZENQ2017-015	
Ngày có hiệu lực	01/09/2017	
Danh mục từ viết tắt	ACGIH	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
	AS/NZS	Australia Standard/New Zealand Standard
	CAS	Chemical Abstracts Service
	COC	Cleveland Open Cup
	IARC	International Agency for Research on Cancer
	MSDS	Material Safety Data Sheet
	PVC	Polyvinyl Chlorite
	STEL	Short Term Exposure Limit
	U.S.NTP	United States National Toxicology Program
	IMDG-Code	International Maritime Dangerous Goods Code
	IADA	International Air Transport Association
	MSHA	Mine Safety and Health Administration
	NIOSH	National Institute for Occupational Safety and Health

Phiếu MSDS này tóm tắt kiến thức tốt nhất các thông tin nguy hại về sức khỏe, an toàn và môi trường của sản phẩm & làm thế nào để xử lý một cách an toàn và sử dụng các sản phẩm đúng cách. Mỗi người sử dụng phải xem phiếu MSDS này để biết mỗi trường hợp sản phẩm sẽ được xử lý và sử dụng như thế nào. Nếu muốn làm rõ hoặc biết thêm thông tin cần thiết để đảm bảo thực hiện đánh giá rủi ro đúng đắn, người dùng nên liên hệ với Sungbo Việt Nam. Chúng tôi có thể cung cấp thêm thông tin từ nhà sản xuất Sungbo Hàn Quốc

Vui lòng đọc tất cả các nhãn cẩn thận trước khi sử dụng sản phẩm